TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/KDTM-ST
Ngày: 30/6/2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Đặng Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

2. Bà Nguyễn Thị Hiếu

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Anh Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 267/2022/TLST-TM ngày 08/11/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3698/2023/QĐXXST-KDTM, ngày 15/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 4008/2023/QĐST-KDTM ngày 09/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S.

Địa chỉ: Lô D KCN H, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Bà Trần Thị Hoàng O, sinh năm 1979 - Là đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: A đường P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền không số đề ngày 08/11/2022.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần H1.

Địa chỉ: L, Tầng G, Tòa nhà V, số G đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Châu Anh T, sinh năm 1978 - Là đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Số C đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Công ty Cổ phần S có bà Trần Thị Hoàng O là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 05/10/2021, Công ty Cổ phần S (Sau đây gọi tắt là Công ty S) và Công ty Cổ phần H1 (Sau đây gọi tắt là H1) ký kết Hợp đồng mua bán số: 051021/HLP/HITEKO/2021 về việc Công ty S sản xuất và cung cấp cọc D300-D350, hạng mục phần móng cọc cho Dự án nhà máy tôm tẩm bộ T1 tại địa chỉ KCN K huyện U, tỉnh Cà Mau cho Công ty H1. Theo đó, khối lượng cọc dự kiến sản xuất và cung cấp theo thỏa thuận hợp đồng là 32.886m cọc loại PC D300A, 25.047m cọc loại PC D350A, tổng giá trị hợp đồng dự kiến là: 13.747.140.000 (Mười ba tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng, giá trị hợp đồng sau thuế là: 15.121.854.000 (Mười lăm tỷ một trăm hai mươi mốt triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn) đồng. Đơn giá cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, trong trường hợp giá cả nguyên vật liệu tăng đột biến trên thị trường thì hai bên sẽ xem xét lại đơn giá để giảm thiểu thiệt hại cho các bên. Giá trị thanh toán căn cứ vào khối lượng cung cấp thực tế tại công trình được chủ đầu tư nghiệm thu. Thời gian thực hiện hợp đồng trong vòng 35 (Ba mươi lăm) ngày bao gồm thứ bảy, chủ nhật (không bao gồm ngày lễ, tết) tính từ ngày hợp đồng được ký kết và có hiệu lực, bên B nhận được đơn hàng đầu tiên và tiền tạm ứng từ H. Thời gian thực hiện hợp đồng có thể điều chỉnh trong trường hợp mưa gió, thời gian làm việc không thuận lợi hoặc sự kiện bất khả kháng,.....Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu do lỗi của H dẫn đến việc Công ty S phải ngưng cung cấp cọc thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng, H có trách nhiệm ký hồ sơ thanh lý hợp đồng và thanh quyết toán hợp đồng cho Công ty S trong vòng 04 (Bốn) ngày kể từ ngày Công ty S đệ trình hồ sơ, nếu sau 04 (Bốn) ngày kể từ ngày H nhận được hồ sơ mà không có ý kiến phản hồi thì xem như đó là hồ sơ hợp lệ để thanh toán.

Theo thỏa thuận hợp đồng, trong vòng 10 (Mười) ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Hiteko bàn giao bản vẽ thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt và Công ty S nhận được tiền tạm ứng thì H phải tiến hành đặt đơn hàng đầu tiên cho Công ty S. Căn cứ vào thời hạn và khối lượng hàng trong hợp đồng mà H có kế hoạch đặt hàng hợp lý, đảm bảo được tiến độ sản xuất, cung cấp và thời hạn thi công hợp lý cho Công ty S. Trong thời hạn hợp đồng, H cam kết phải đặt và nhận hết khối lượng hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng. Hiteko sẽ tạm ứng cho Công ty S 20% giá trị hợp đồng trước thuế sau khi ký kết hợp đồng. Hai bên chốt khối lượng thanh toán 2tuần/lần hoặc đạt 15.000m/lần tùy điều kiện nào đến trước, H thanh toán 95% giá trị thực hiện (bao gồm giá trị tạm ứng theo tỷ lệ tương ứng). Thời gian thanh toán trong vòng 10 (Mười) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán. Sau khi hoàn tất việc giao hàng, Hiteko thanh toán 100% giá trị thực hiện trong vòng 20 (Hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quyết toán.

Trong thời gian triển khai và thực hiện hợp đồng, Công ty S đã tuân thủ các quy định của hợp đồng, tuy nhiên, phía Hiteko không triển khai đúng nội dung hai bên đã thỏa thuận và quy định trong hợp đồng: Hiteko không đặt hàng dúng theo thỏa thuận

dù phía Công ty S đã chuẩn bị nguyên vật liệu để sản xuất và cung cấp hàng theo khối lượng hợp đồng cho H. Sau khi ký kết và triển khai hợp đồng vào ngày 05/10/2021, mãi đến ngày 20/11/2021 Công ty S mới giao được đơn hàng đầu tiên loại cọc PHC D 350 với khối lượng 3.300m cho HITEKO (Trong khi đó khối lượng dự kiến theo hợp đồng là 32.886m cọc PC D300, 25.047m cọc PC D350) và được nghiệm thu 3.289m có giá trị: 940.654.000 (Chín trăm bốn mươi triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn) đồng. Sau khi khấu trừ giá trị tạm ứng và thanh toán 95% của đơn hàng này thì H phải thanh toán cho Công ty S số tiền: 293.631.300 (Hai trăm chín mươi ba triệu sáu trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm) đồng. Ngày đến hạn thanh toán là ngày 14/01/2022. Tuy nhiên, sau rất nhiều lần Công ty S yêu cầu H1 thanh toán qua email, điện thoại, công văn đề nghị thanh toán nợ quá hạn, đến ngày 17/3/2022 H chỉ thanh toán cho Công ty S số tiền: 93.621.300 (Chín mươi ba triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm) đồng.

Ngày 20/3/2022, Công ty S tiếp tục giao hàng đợt 2 theo yêu cầu của H và được nghiệm thu với khối lượng 132m cọc PC D300 và 30m cọc PC D350 có giá trị 49.734.000 (Bốn mươi chín triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn) đồng, yêu cầu thanh toán 95% giá trị khối lượng là 47.247.300 (Bốn mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm) đồng. Ngày đến hạn thanh toán là ngày 17/4/2022. Tuy nhiên, H không thanh toán cho Công ty S theo đúng quy định hợp đồng.

Ngày 20/3/2022, Công ty S và H tiến hành thanh quyết toán khối lượng công việc đã thực hiện. Theo đó, qua 2 đợt giao và nhận hàng, Công ty S chỉ tính để yêu cầu thanh toán 95% giá trị khối lượng hàng nghiệm thu trên thực tế, còn 5% giá trị bị giữ lại, tức là 49.519.000 (Bốn mươi chín triệu năm trăm mười chín nghìn) đồng.

Nhận thấy trong quá trình triển khai và thực hiện hợp đồng, H không tuân thủ thỏa thuận về thời gian đặt hàng, khối lượng mỗi đơn đặt hàng và tiến độ thanh toán nên hai bên công ty đã thỏa thuận thống nhất thanh lý hợp đồng. Ngày 08/4/2022, hai bên Công ty đã ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng số 051021/HLP/HITEKO/2021 ký ngày 05/10/2021, theo đó:

- Giá trị hợp đồng sau thuế là 15.121.854.000 (Mười lăm tỷ một trăm hai mươi mốt triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn) đồng;

- Giá trị Công ty S đã thực hiện trên thực tế: 990.388.000 (Chín trăm chín mươi triệu ba trăm tám mươi tám nghìn) đồng;

- H đã thanh toán cho Công ty S số tiền: 693.621.300 (Sáu trăm chín mươi ba triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm) đồng

- Hiteko còn phải thanh toán cho Công ty S số tiền là: 296.766.700 (Hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng.

Công ty S đã rất nhiều lần gửi công văn đề nghị Hiteko thanh toán nợ quá hạn số tiền nêu trên cho Công ty S. Ngày 27/4/2022, H phản hồi công văn, trong đó cam kết sẽ thanh toán số tiền: 296.766.700 (Hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng thành 03 đợt: đợt 1 thanh toán trong tháng 5/2022, đợt 2 và đợt 3 thanh toán vào tháng 6 và tháng 7 năm 2022, tuy nhiên không nêu cụ thể ngày và số tiền thanh toán cho Công ty S. Ngày 06/5/2022, Công ty S tiếp tục gửi công văn yêu cầu Hiteko thanh toán theo đúng kế hoạch vì Công ty S đã hoàn thành việc cấp cọc từ ngày 28/12/2021 nhưng vẫn chưa nhận đủ số tiền đã giao hàng. Đến ngày

03/6/2022, H thanh toán cho HLP số tiền: 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, đến ngày 23/6/2022, H tiếp tục thanh toán cho Công ty S số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng nữa.

Ngày 27/6/2022, hai bên công ty tiến hành đối chiếu công nợ. Theo đó, số tiền mà H nợ quá hạn chưa thanh toán cho Công ty S là: 196.766.700 (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng. Văn bản này đã được hai bên công ty ký xác nhận.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, H không thanh toán cho Công ty S số tiền còn lại của khối lượng hàng mà Công ty S đã cung cấp mặc dù Công ty S đã gửi rất nhiều công văn yêu cầu thanh toán.

Công ty S yêu cầu:

1. Hiteko phải thanh toán cho Công ty S số tiền nợ chưa thanh toán sau khi hoàn thành việc cung cấp hàng theo hợp đồng số 051021/HLP/HITEKO/2021 ký ngày 05/10/2021với số tiền: 196.766.700 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng.
2. Căn cứ vào khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng quy định: "Trường hợp bên A chậm thanh toán theo quy định tại Hợp đồng này, thì bên A phải thanh toán cho bên B một khoản tiền lãi phạt tương ứng lãi suất ngân hàng của bên B áp dụng tại thời điểm thanh toán trên số tiền và số ngày chậm thanh toán,.....". Như vậy, H phải thanh toán khoản tiền lãi do vi phạm về thời hạn thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng căn cứ vào lãi suất chậm thanh toán của ngân hàng B tại thời điểm khởi kiện, H phải thanh toán số tiền lãi: 44.993.337 (Bốn mươi bốn triệu chín trăm chín mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bảy) đồng.

Tổng số tiền yêu cầu: 196.766.700 đồng + 44.993.337 đồng = 241.760.037 (Hai trăm bốn mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi nghìn không trăm ba mươi bảy) đồng.

Ngoài ra, yêu cầu H phải thanh toán tiền chậm thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực từ ngày 16/9/2022 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết và xét xử nên không nộp tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, không có ý kiến đối với nội dung vụ án, đã được tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, việc thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc tống đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 97, Điều 171, Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đảm bảo nguyên tắc công khai, độc lập, khách quan, trực tiếp, bằng lời nói và đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 12, 14, 15, 237, 239, 250 và 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự và Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ngày 05/10/2021, Công ty Cổ phần S (HLP) và Công ty Cổ phần H1 (HITEKO) ký kết hợp đồng mua bán số 051021/HLP/HITEKO/2021 về việc Công ty S sản xuất và cung cấp cọc D300-D350, hạng mục Phần móng cọc cho Dự án Nhà máy tôm tẩm bột T1 tại địa chỉ KCN K huyện U tỉnh Cà Mau cho Công ty H1. Theo đó, khối lượng cọc dự kiến sản xuất và cung cấp theo thỏa thuận hợp đồng là 32.886m cọc loại PC D300A, 25.047m cọc loại PC D350A, tổng giá trị hợp đồng dự kiến 13.747.140.000 đồng, giá trị hợp đồng sau thuế là 15.121.854.000 đồng (Mười lăm tỷ một năm hai mươi mốt triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Đơn giá cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, trong trường hợp giá cả nguyên vật liệu tăng đột biến trên thị trường thì hai bên sẽ xem xét lại đơn giá để giảm thiểu thiệt hại cho các bên. Giá trị thanh toán căn cứ vào khối lượng cung cấp thực tế tại công trình được chủ đầu tư nghiệm thu. Thời gian thực hiện hợp đồng trong vòng 35 ngày bao gồm thứ bảy, chủ nhật (không bao gồm ngày lễ, tết) tính từ ngày hợp đồng được ký kết và có hiệu lực, bên B nhận được đơn hàng đầu tiên và tiền tạm ứng từ HITEKO. Thời gian thực hiện hợp đồng có thể điều chỉnh trong trường hợp mưa gió, thời gian làm việc không thuận lợi hoặc sự kiện bất khả kháng,.....Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu do lỗi của HITEKO dẫn đến việc HLP phải ngưng cung cấp cọc thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng, HITEKO có trách nhiệm ký hồ sơ thanh lý hợp đồng và thanh quyết toán hợp đồng cho HLP trong vòng 04 (Bốn) ngày kể từ ngày HLP đệ trình hồ sơ, nếu sau 04 ngày kể từ ngày HITEKO nhận được hồ sơ mà không có ý kiến phản hồi thì xem như đó là hồ sơ hợp lệ để thanh toán.

Theo thỏa thuận hợp đồng, trong vòng 10 (Mười) ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, HITEKO bàn giao bản vẽ thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt và HLP nhận được tiền tạm ứng thì HITEKO phải tiến hành đặt đơn hàng đầu tiên cho HLP. Căn cứ vào thời hạn và khối lượng hàng trong hợp đồng mà HITEKO có kế hoạch đặt hàng hợp lý, đảm bảo được tiến độ sản xuất, cung cấp và thời hạn thi công hợp lý cho HLP. Trong thời hạn hợp đồng, HITEKO cam kết phải đặt và nhận hết khối lượng hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng. HITEKO sẽ tạm ứng cho HLP 20% giá trị hợp đồng trước thuế sau khi ký kết hợp đồng. Hai bên chốt khối lượng thanh toán 2 tuần/lần hoặc đạt 15.000m/lần tùy điều kiện nào đến trước, HITEKO thanh toán 95% giá trị thực hiện (bao gồm giá trị tạm ứng theo tỷ lệ tương ứng). Thời gian thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán. Sau khi hoàn tất việc giao hàng, HITEKO thanh toán 100% giá trị thực hiện trong vòng 20 (Hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quyết toán.

Trong thời gian triển khai và thực hiện hợp đồng, công ty H2 đã tuân thủ các quy định của hợp đồng, tuy nhiên, phía HITEKO không triển khai đúng nội dung hai bên đã thỏa thuận và quy định trong hợp đồng: HITEKO không đặt hàng dúng theo thỏa thuận dù phía HLP đã chuẩn bị nguyên vật liệu để sản xuất và cung cấp hàng theo khối lượng hợp đồng cho HITEKO. Sau khi ký kết và triển khai hợp đồng vào ngày 05/10/2021, mãi đến ngày 20/11/2021 HLP mới giao được đơn hàng đầu tiên loại cọc PHC D 350 với khối lượng 3.300m cho HITEKO (trong khi đó khối lượng dự kiến theo hợp đồng là 32.886m cọc PC D300, 25.047m cọc PC D350) và được nghiệm thu 3.289m có giá trị 940.654.000 (Chín trăm bốn mươi triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn) đồng. Sau khi khấu trừ giá trị tạm ứng và thanh toán 95% của đơn hàng này thì HITEKO phải thanh toán cho HLP số tiền 293.631.300 (Hai trăm chín mươi ba triệu sáu trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm) đồng. Ngày đến hạn thanh toán là ngày 14/01/2022. Tuy nhiên, sau rất nhiều lần HLP yêu cầu HITEKO thanh toán qua email, điện thoại, công văn đề nghị thanh toán nợ quá hạn,.....đến ngày 17/3/2022 HITEKO chỉ thanh toán cho HLP số tiền 93.621.300 (Chín mươi ba triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm) đồng.

Ngày 20/3/2022, HLP tiếp tục giao hàng đợt 2 theo yêu cầu của HITEKO và được nghiệm thu với khối lượng 132m cọc PC D300 và 30m cọc PC D350 có giá trị 49.734.000 (Bốn mươi chín triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn) đồng, yêu cầu thanh toán 95% giá trị khối lượng là 47.247.300 (Bốn mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm) đồng. Ngày đến hạn thanh toán là ngày 17/4/2022. Tuy nhiên, HITEKO không thanh toán cho HLP theo đúng quy định hợp đồng.

Ngày 20/3/2022, HLP và HITEKO tiến hành thanh quyết toán khối lượng công việc đã thực hiện. Theo đó, qua 2 đợt giao và nhận hàng, HLP chỉ tính để yêu cầu thanh toán 95% giá trị khối lượng hàng nghiệm thu trên thực tế, còn 5% giá trị bị giữ lại, tức là 49.519.000 (Bốn mươi chín triệu năm trăm mười chín nghìn) đồng.

Nhận thấy trong quá trình triển khai và thực hiện hợp đồng, HITEKO không tuân thủ thỏa thuận về thời gian đặt hàng, khối lượng mỗi đơn đặt hàng và tiến độ thanh toán nên hai bên công ty đã thỏa thuận thống nhất thanh lý hợp đồng. Ngày 08/4/2022, hai bên Công ty đã ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng số 051021/HLP/HITEKO/2021 ký ngày 05/10/2021, theo đó:

- Giá trị hợp đồng sau thuế là 15.121.854.000 (Mười lăm tỷ một trăm hai mươi mốt triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn) đồng;

- Giá trị HLP đã thực hiện trên thực tế: 990.388.000 (Chín trăm chín mươi triệu ba trăm tám mươi tám nghìn) đồng;

- HITEKO đã thanh toán cho HLP số tiền: 693.621.300 (Sáu trăm chín mươi ba triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm) đồng

- HITEKO còn phải thanh toán cho HLP số tiền là 296.766.700 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng.

Đến ngày 03/6/2022, HITEKO thanh toán cho HLP số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, đến ngày 23/6/2022, HITEKO tiếp tục thanh toán cho HLP số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng nữa.

Ngày 27/6/2022, hai bên công ty tiến hành đối chiếu công nợ. Theo đó, số tiền mà HITEKO nợ quá hạn chưa thanh toán cho HLP là 196.766.700 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng. Văn bản này đã được hai bên công ty ký xác nhận.

Nay nguyên đơn yêu cầu:

Công ty Cổ phần H1 phải thanh toán cho Công ty CP S số tiền nợ chưa thanh toán sau khi hoàn thành việc cung cấp hàng theo hợp đồng số 051021/HLP/HITEKO/2021 ký ngày 05/10/2021với số tiền 196.766.700 (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng và lãi suất.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ thực tế, căn cứ vào Điều 439 Bộ luật Dân sự năm 2015 xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP S, buộc Công ty Cổ phần H1 phải thanh toán số tiền 196.766.700 (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng và lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần H1 trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán số: 051021/HLP/HITEKO/2021 ngày 05/10/2021. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn - Công ty Cổ phần H1 có trụ sở chính tại Quận A nên căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H ngày 12/10/2022: Đến nay, Công ty Cổ phần H1 chưa đăng ký giải thể. Địa chỉ trụ sở chính: L17-11, Tầng A, Tòa nhà V, Số G đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp đối chiếu chứng cứ, phiên hòa giải cho Công ty Cổ phần H1 nhưng Công ty Cổ phần H1 không có ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố và không nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, Công ty Cổ phần H1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần H1 theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Xét, Công ty S và H đã ký kết Hợp đồng mua bán số: 051021/HLP/HITEKO/2021 ngày 05/10/2021 về việc Công ty S sản xuất và cung cấp cọc D300-D350, hạng mục phần móng cọc cho Dự án nhà máy tôm tẩm bộ T1 tại địa chỉ KCN K huyện U, tỉnh Cà Mau cho Công ty H1.

Theo thỏa thuận hợp đồng, trong vòng 10 (Mười) ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Hiteko bàn giao bản vẽ thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt và Công ty S nhận được tiền tạm ứng thì H phải tiến hành đặt đơn hàng đầu tiên cho Công ty S. Căn cứ vào thời hạn và khối lượng hàng trong hợp đồng mà H có kế hoạch đặt hàng hợp lý, đảm bảo được tiến độ sản xuất, cung cấp và thời hạn thi công hợp lý cho Công ty S. Trong thời hạn hợp đồng, H cam kết phải đặt và nhận hết khối lượng hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng. Hiteko sẽ tạm ứng cho Công ty S 20% giá trị hợp đồng trước thuế sau khi ký kết hợp đồng. Hai bên chốt khối lượng thanh toán 2tuần/lần hoặc đạt 15.000m/lần tùy điều kiện nào đến trước, H thanh toán 95% giá trị thực hiện (bao gồm giá trị tạm ứng theo tỷ lệ tương ứng). Thời gian thanh toán trong vòng 10 (Mười) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán. Sau khi hoàn tất việc giao hàng, Hiteko thanh toán 100% giá trị thực hiện trong vòng 20 (Hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quyết toán.

Trong thời gian triển khai và thực hiện hợp đồng, Công ty S đã tuân thủ các quy định của hợp đồng, tuy nhiên, phía Hiteko không triển khai đúng nội dung hai bên đã thỏa thuận và quy định trong hợp đồng: Hiteko không đặt hàng đúng theo thỏa thuận dù phía Công ty S đã chuẩn bị nguyên vật liệu để sản xuất và cung cấp hàng theo khối lượng hợp đồng cho H. Sau khi ký kết và triển khai hợp đồng vào ngày 05/10/2021, mãi đến ngày 20/11/2021 Công ty S mới giao được đơn hàng đầu tiên loại cọc PHC D 350 với khối lượng 3.300m cho HITEKO (Trong khi đó khối lượng dự kiến theo hợp đồng là 32.886m cọc PC D300, 25.047m cọc PC D350) và được nghiệm thu 3.289m có giá trị: 940.654.000 (Chín trăm bốn mươi triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn) đồng. Sau khi khấu trừ giá trị tạm ứng và thanh toán 95% của đơn hàng này thì H phải thanh toán cho Công ty S số tiền: 293.631.300 (Hai trăm chín mươi ba triệu sáu trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm) đồng. Ngày đến hạn thanh toán là ngày 14/01/2022. Tuy nhiên, sau rất nhiều lần Công ty S yêu cầu H1 thanh toán qua email, điện thoại, công văn đề nghị thanh toán nợ quá hạn, đến ngày 17/3/2022 H chỉ thanh toán cho Công ty S số tiền: 93.621.300 (Chín mươi ba triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm) đồng.

Ngày 20/3/2022, Công ty S tiếp tục giao hàng đợt 2 theo yêu cầu của H và được nghiệm thu với khối lượng 132m cọc PC D300 và 30m cọc PC D350 có giá trị 49.734.000 (Bốn mươi chín triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn) đồng, yêu cầu thanh toán 95% giá trị khối lượng là 47.247.300 (Bốn mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm) đồng. Ngày đến hạn thanh toán là ngày 17/4/2022. Tuy nhiên, H không thanh toán cho Công ty S theo đúng quy định hợp đồng.

Ngày 20/3/2022, Công ty S và H tiến hành thanh quyết toán khối lượng công việc đã thực hiện. Theo đó, qua 2 đợt giao và nhận hàng, Công ty S chỉ tính để yêu cầu thanh toán 95% giá trị khối lượng hàng nghiệm thu trên thực tế, còn 5% giá trị bị giữ lại, tức là 49.519.000 (Bốn mươi chín triệu năm trăm mười chín nghìn) đồng.

Nhận thấy trong quá trình triển khai và thực hiện hợp đồng, H không tuân thủ thỏa thuận về thời gian đặt hàng, khối lượng mỗi đơn đặt hàng và tiến độ thanh toán nên hai bên công ty đã thỏa thuận thống nhất thanh lý hợp đồng. Ngày 08/4/2022, hai

bên Công ty đã ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng số 051021/HLP/HITEKO/2021 ký ngày 05/10/2021, theo đó:

- Giá trị hợp đồng sau thuế là 15.121.854.000 (Mười lăm tỷ một trăm hai mươi mốt triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn) đồng;

- Giá trị Công ty S đã thực hiện trên thực tế: 990.388.000 (Chín trăm chín mươi triệu ba trăm tám mươi tám nghìn) đồng;

- H đã thanh toán cho Công ty S số tiền: 693.621.300 (Sáu trăm chín mươi ba triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm) đồng

- Hiteko còn phải thanh toán cho Công ty S số tiền là: 296.766.700 (Hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng.

Công ty S đã rất nhiều lần gửi công văn đề nghị Hiteko thanh toán nợ quá hạn số tiền nêu trên cho Công ty S. Ngày 27/4/2022, H phản hồi công văn, trong đó cam kết sẽ thanh toán số tiền: 296.766.700 (Hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng thành 03 đợt: đợt 1 thanh toán trong tháng 5/2022, đợt 2 và đợt 3 thanh toán vào tháng 6 và tháng 7 năm 2022, tuy nhiên không nên cụ thể ngày và số tiền thanh toán cho Công ty S. Ngày 06/5/2022, Công ty S tiếp tục gửi công văn yêu cầu Hiteko thanh toán theo đúng kế hoạch vì Công ty S đã hoàn thành việc cấp cọc từ ngày 28/12/2021 nhưng vẫn chưa nhận đủ số tiền đã giao hàng. Đến ngày 03/6/2022, H thanh toán cho HLP số tiền: 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, đến ngày 23/6/2022, H tiếp tục thanh toán cho Công ty S số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng nữa.

Ngày 27/6/2022, hai bên công ty tiến hành đối chiếu công nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ số: 1105/ĐCCN/HLP-2022 ngày 27/06/2022. Theo đó, số tiền mà H nợ quá hạn chưa thanh toán cho Công ty S là: 196.766.700 (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng. Văn bản này đã được hai bên công ty ký xác nhận nên có giá trị pháp lý làm cơ sở yêu cầu thanh toán. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, H không thanh toán cho Công ty S số tiền còn lại của khối lượng hàng mà Công ty S đã cung cấp mặc dù Công ty S đã gửi rất nhiều công văn yêu cầu thanh toán. Ngày 27/4/2022, bị đơn có công văn về việc thanh toán số: 34-22/CV/HITEKO xác nhận công nợ số tiền: 296.766.300 (Hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm) đồng và yêu cầu được thanh toán làm 03 (Ba) đợt, thời hạn thanh toán chậm nhất đến tháng 07 năm 2022.

Từ các nhận định nêu trên có cơ sở cho thấy nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

2.2. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Xét thấy, nguyên đơn đã thực hiện việc thi công đúng như thỏa thuận đã ký trong Hợp đồng mua bán số: 051021/HLP/HITEKO/2021 ngày 05/10/2021; Biên bản thanh lý hợp đồng số 051021/HLP/HITEKO/2021 ký ngày 05/10/2021; Biên bản đối chiếu công nợ số: 1105/ĐCCN/HLP-2022 ngày 27/06/2022; Công văn về việc thanh toán số: 34-22/CV/HITEKO ngày 27/4/2022 nhưng bị đơn mới thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại chưa thanh toán là: 196.766.300 (Một trăm chín mươi sáu

triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm) đồng cho nguyên đơn.

Căn cứ khoản 7 Điều 146 Luật Xây dựng thì việc bị đơn không thanh toán số tiền: 196.766.300 (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm) đồng sẽ phải chịu trách nhiệm vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan. Tuy nhiên trong hợp đồng do hai bên không thỏa thuận về lãi suất, do đó căn cứ khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị đơn phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn là: 150%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền bị đơn còn thiếu theo mức lãi suất căn cứ Công văn số: 5862/ HCM-TH V/v cung cấp thông tin ngày 09/6/2023 của Ngân hàng TMCP N-Chi nhánh Thành phố H; Công văn số: 3381/CNTPHCM-TH V/v Lãi suất cho vay VNĐ tại NHTMCPCTVN-CNTP.HCM ngày 20/6/2023 của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thành phố H; Công văn số: 686/NHNoTTSG-PC ngày 13/6/2023 của Ngân hàng N1 - Chi nhánh T2. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày thanh toán dứt điểm số tiền còn thiếu tạm tính từ ngày 15/01/2022 đến ngày 30/6/2023 theo mức lãi suất nợ quá hạn là 17,06 %/năm:

Nợ gốc: 196.766.700 (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng

Nợ lãi: 54.552.085 (Năm mươi bốn triệu năm trăm năm mươi hai nghìn không trăm tám mươi lăm) đồng

Tổng: 251.318.785 (Hai trăm năm mươi mốt triệu ba trăm mười tám nghìn bảy trăm tám mươi lăm) đồng.

Nguyên đơn tính lãi từ ngày 15/01/2022 là ngày sau khi các bên thanh lý hợp đồng và xác nhận công nợ là phù hợp quy định của Luật Xây dựng. Cách tính và thời gian tính lãi phù hợp Điều 306 Luật Thương mại nên có cơ sở chấp nhận. Đồng thời, lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày nguyên đơn có đơn xin thi hành án cho đến khi bị đơn trả dứt nợ.

[3] Xét phương thức và thời gian thanh toán:

Xét mặc dù nguyên đơn đã thi công đúng như thỏa thuận các bên nhưng bị đơn đã chậm thanh toán tiền nợ gốc còn thiếu từ ngày 15/01/2022 đến nay và đối chiếu quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn là: 251.318.785 (Hai trăm năm mươi mốt triệu ba trăm mười tám nghìn bảy trăm tám mươi lăm) đồng, gồm: Nợ gốc: 196.766.700 (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng. Nợ lãi: 54.552.085 (Năm mươi bốn triệu năm trăm năm mươi hai nghìn không trăm tám mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với các khoản tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án

phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự;

- Căn cứ Điều 301, Điều 306 Luật Thương mại;

- Căn cứ Điều 117, Điều 130, Điều 138, Điều 144, Điều 146 Luật Xây dựng;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S: Buộc Công ty Cổ phần H1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán số: 051021/HLP/HITEKO/2021 ngày 05/10/2021; Biên bản thanh lý hợp đồng số 051021/HLP/HITEKO/2021 ký ngày 05/10/2021; Biên bản đối chiếu công nợ số: 1105/ĐCCN/HLP-2022 ngày 27/06/2022; Công văn về việc thanh toán số: 34-22/CV/HITEKO ngày 27/4/2022 là: 251.318.785 (Hai trăm năm mươi mốt triệu ba trăm mười tám nghìn bảy trăm tám mươi lăm) đồng, gồm: Nợ gốc: 196.766.700 (Một trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng. Nợ lãi: 54.552.085 (Năm mươi bốn triệu năm trăm năm mươi hai nghìn không trăm tám mươi lăm) đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với các khoản tiền Công ty Cổ phần H1 phải trả cho Công ty Cổ phần S) cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần H1 phải chịu án phí là: 12.565.939 (Mười hai triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi chín) đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 5.394.324 (Năm triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi bốn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004896, ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự nhận hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Diệu Linh